

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

LƯU THỊ THÙY LINH – VŨ THỊ HIỀN – TRẦN VIỆT DŨNG



GIÁO TRÌNH NỘI BỘ CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Dành cho sinh viên ngành: Phát triển nông thôn
(Tài liệu lưu hành nội bộ)

Thái Nguyên, năm 2016

LỜI NÓI ĐẦU

Công tác xã hội chiếm vị trí ý nghĩa trong giải quyết các vấn đề xã hội, nhằm đảm bảo công bằng và tiến bộ xã hội trong mỗi quốc gia. Chính vì vậy công tác xã hội đã được ghi nhận là một nghề quan trọng tại nhiều nước trên thế giới.

Trong xu thế hội nhập và phát triển, công tác xã hội và đào tạo công tác xã hội ở Việt Nam cũng đang được từng bước đổi mới theo hướng chuyên nghiệp nhằm cung cấp nguồn nhân lực nhân viên xã hội có chất lượng cho việc thực thi các chính sách an sinh xã hội có hiệu quả.

Nhằm cung cấp cho sinh viên ngành Phát triển nông thôn kiến thức về công tác xã hội đối với cộng đồng, với nhóm, tập thể giảng viên bộ môn Phát triển nông thôn – khoa Kinh tế và phát triển nông thôn đã biên soạn giáo trình nội bộ - *Công tác xã hội trong phát triển nông thôn* với 4 chương:

Chương 1: Đối tượng, phương pháp, chức năng nghiên cứu, tác nghiệp và tiến trình của công tác xã hội.

Chương 2: Công tác xã hội trong mối quan hệ với các ngành khoa học xã hội khác và trong hệ thống an sinh xã hội

Chương 3: Vai trò của cộng đồng trong công tác xã hội

Chương 4: Công tác xã hội trong phát triển nông thôn.

Chúng tôi hy vọng tài liệu này sẽ giúp ích cho học tập và nghiên cứu của sinh viên và những người làm công tác nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực kinh tế và phát triển nông thôn. Mặc dù với sự cố gắng cao trong quá trình biên soạn nhưng chắc chắn còn nhiều hạn chế. Chúng tôi rất mong sự đóng góp của bạn đọc để giáo trình nội bộ này được hoàn thiện hơn.

TẬP THỂ TÁC GIẢ

MỤC LỤC

Trang

Chương 1

ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP, CHỨC NĂNG NGHIÊN CỨU, TÁC NGHIỆP VÀ TIẾN TRÌNH CỦA CÔNG TÁC XÃ HỘI.....1

I. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu, tác nghiệp của Công tác xã hội.....1	
1. Khái niệm Công tác xã hội.....1	
2. Đối tượng, mục tiêu và nguyên tắc của công tác xã hội.....9	
2.1. Đối tượng nghiên cứu của Công tác xã hội.....9	
2.2. Mục tiêu của Công tác xã hội.....13	
2.3. Các nguyên tắc hành động của Công tác xã hội.....14	
2.3.1. Chấp nhận thân chủ.....14	
2.3.2. Thân chủ cùng tham gia giải quyết vấn đề.....14	
2.3.3. Tôn trọng quyền tự quyết của thân chủ.....15	
2.3.4. Cá biệt hóa.....15	
2.3.5. Giữ bí mật những vấn đề của thân chủ15	
2.3.6. Nhân viên xã hội luôn ý thức về mình.....16	
2.3.7. Xây dựng mối quan hệ tốt đẹp giữa nhân viên xã hội và thân chủ.....16	
3. Phương pháp tác nghiệp của Công tác xã hội.....16	
II. Nền tảng triết lý, nghề nghiệp chuyên môn và chức năng của công tác xã hội.....20	
1. Nền tảng triết lý của Công tác xã hội và lịch sử hình thành Công tác xã hội ở Việt Nam.....20	
1.1. Nền tảng triết lý của Công tác xã hội.....20	
1.2. Lịch sử hình thành Công tác xã hội ở Việt Nam.....24	
2. Nghề nghiệp chuyên môn Công tác xã hội.....25	
3. Chức năng của Công tác xã hội.....29	
III. Tiến trình Công tác xã hội.....36	
1. Khái niệm về tiến trình Công tác xã hội.....36	
2. Các bước cơ bản của tiến trình Công tác xã hội trong phát triển nông thôn.....38	

Chương 2

CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG MỐI QUAN HỆ

VỚI CÁC NGÀNH KHOA HỌC XÃ HỘI KHÁC VÀ TRONG

HỆ THỐNG AN SINH XÃ HỘI.....43

1. Mối quan hệ của Công tác xã hội với một số ngành khoa học xã hội và nhân văn. 43	
1.1. Mối quan hệ Triết học và Công tác xã hội.....43	
1.2. Kinh tế chính trị học và Công tác xã hội.....46	
1.3. Xã hội học và Công tác xã hội48	
1.4. Tâm lý học và Công tác xã hội51	
1.5. Pháp luật học và Công tác xã hội54	
2. Công tác xã hội trong hệ thống an sinh xã hội.....57	
2.1. Khái niệm an sinh xã hội.....57	

2.2. CTXH góp phần hiện thực hóa mục đích của an sinh XH và tham gia xây dựng một xã hội phát triển ổn định, lành mạnh.....	60
2.3. Xây dựng, phát triển nền an sinh xã hội ở Việt Nam – Định hướng và giải pháp.....	62
CHƯƠNG III	
VAI TRÒ CỦA CỘNG ĐỒNG TRONG CÔNG TÁC XÃ HỘI.....	75
1. Nhân viên Công tác xã hội chuyên nghiệp.....	75
2. Nhiệm vụ của nhân viên xã hội	78
3. Thái độ, trách nhiệm và tiêu chuẩn nghề nghiệp công tác xã hội chuyên nghiệp.....	85
3.1. Thái độ và trách nhiệm của nhân viên xã hội trong các mối quan hệ nghề nghiệp	85
3.2. Tiêu chuẩn nghề nghiệp của nhân viên xã hội	88
2. Hiệp hội Công tác xã hội.....	97
2.1. Sự cần thiết của Hiệp hội Công tác xã hội quốc tế và quốc gia	97
2.2. Chức năng nhiệm vụ của Hiệp hội Công tác xã hội quốc gia	99
Chương 4	
CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN.....	106
4.1. Tầm quan trọng của CTXH ở các vùng nông thôn.....	106
4.2. Tiến trình thực hiện công tác xã hội với cộng đồng nông thôn.....	108
4.2.1. Cơ sở của công tác xã hội với cộng đồng nông thôn.....	108
4.2.2. Tiến trình thực hiện công tác xã hội đối với cộng đồng nông thôn.....	109
4.2.2.1 Giai đoạn lượng định.....	109
4.2.2.2 Lên kế hoạch.....	110
4.2.2.3 Thực hiện kế hoạch.....	110
4.2.2.4 Kết thúc và lập chương trình theo dõi.....	111
4.2.2.5 Đánh giá.....	111
4.3. Một số kỹ năng cơ bản của công tác xã hội trong phát triển nông thôn.....	114
4.3.1. Kỹ năng giao tiếp.....	115
4.3.2. Kỹ năng tham vấn	115
4.3.3. Kỹ năng lập kế hoạch.....	116
4.3.4. Kỹ năng vấn đàm.....	117
TÀI LIỆU THAM KHẢO	119

Chương 1

ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP, CHỨC NĂNG NGHIÊN CỨU, TÁC NGHIỆP VÀ TIẾN TRÌNH CỦA CÔNG TÁC XÃ HỘI

I. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu, tác nghiệp của Công tác xã hội

1. Khái niệm Công tác xã hội

Trên thế giới, Công tác xã hội đã được khẳng định là một ngành khoa học độc lập, có đối tượng nghiên cứu riêng, có hệ thống lý luận, phương pháp nghiên cứu riêng. Sự khẳng định này đã được thực tiễn kiểm nghiệm khi Công tác xã hội đã hướng tới giúp đỡ các đối tượng khó khăn trong cuộc sống, góp phần làm ổn định, tiến bộ xã hội. Sự hình thành và phát triển của Công tác xã hội là một tất yếu khách quan, vừa thể hiện nhu cầu thiết yếu về nó trong xã hội hiện đại, đồng thời có mối quan hệ chặt chẽ với điều kiện kinh tế, chính trị và văn hoá xã hội. Vì vậy, trong quá trình vận động với tư cách là một khoa học và một hoạt động thực tiễn, ở những thời điểm khác nhau, ở những quốc gia khác nhau, có những quan niệm khác nhau về Công tác xã hội. Hiện nay, Công tác xã hội đã có sự phát triển rộng khắp trên thế giới, với những xuất phát điểm, điều kiện lịch sử cụ thể, nền tảng văn hoá, mục đích và bản chất chế độ xã hội có những sự khác biệt nhất định, do đó xuất hiện nhiều quan điểm, trường phái khác nhau khi nghiên cứu về khoa học và nghệ thuật chuyên môn Công tác xã hội.

- Quan niệm về Công tác xã hội

Đã có nhiều cách hiểu, cách định nghĩa về Công tác xã hội. Những định nghĩa này bắt nguồn từ những quan niệm khác nhau về Công tác xã hội, như: Công tác xã hội là việc thực hiện các chính sách xã hội; Công tác xã hội là hoạt động nhân đạo, từ thiện; Công tác xã hội là các thiết chế xã hội; Công tác xã hội là dịch vụ xã hội; Công tác xã hội là phong trào xã hội...

+ *Công tác xã hội là việc thực hiện chính sách xã hội*

Chính sách xã hội là một bộ phận quan trọng trong hệ thống chính sách của mỗi quốc gia. Để ổn định và phát triển đất nước thì các quốc gia đều phải xây dựng cho mình một hệ thống chính sách nhất định và huy động các nguồn lực thực hiện một cách hiệu quả.

Chính sách xã hội là tổng hợp các phương thức, các biện pháp của nhà nước nhằm thoả mãn những nhu cầu vật chất và tinh thần của nhân dân, phù hợp với trình độ phát triển kinh tế - văn hoá - xã hội - chính trị, góp phần thực hiện mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia. Chính sách xã hội có mục đích cơ bản là giải quyết những vấn đề quan hệ đến cuộc sống của con người, đến nhu cầu và lợi ích của các giai cấp, các dân tộc, các tầng lớp và các nhóm người trong xã hội.

Như vậy, chính sách xã hội là một bộ phận cấu thành chính sách chung của một chính đảng hay chính quyền nhà nước trong việc phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm đời sống xã hội trên các lĩnh vực điều kiện sống, làm việc, thu nhập, môi trường, giáo dục, y tế... trong đó đặc biệt là việc quản lí, điều tiết và giải thể xã hội, cũng có thể đi sâu vào một số lĩnh vực nhất định của đời sống con người như điều kiện lao động và sinh hoạt, giáo dục và văn hoá, quan hệ gia đình, quan hệ giai cấp và quan hệ xã hội...

Nếu Công tác xã hội được quan niệm là việc thực hiện các chính sách xã hội thì nó có nội hàm và phạm vi quá rộng, bởi nó liên quan đến đường lối, chủ trương, chính sách của bộ máy thống trị, quản lí xã hội, chính đảng cầm quyền và nó đòi hỏi nguồn lực vật chất, cơ sở xã hội rất lớn cùng với sự tham gia của nhiều lực lượng xã hội (chính quyền, các ngành chức năng, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các tầng lớp dân cư...).

+ *Công tác xã hội là hoạt động nhân đạo, từ thiện*

Nhân đạo, từ thiện là những hành động xuất phát từ lòng tốt của con người, sự chia sẻ của đồng loại, cộng đồng, xã hội thực hiện việc trợ giúp

những người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, gặp rủi ro bất hạnh trong cuộc sống. Đó là việc trợ giúp người nghèo, neo đơn, bệnh tật, mồ côi, khuyết tật... và những hành động cứu trợ nạn nhân (cá nhân, nhóm, cộng đồng, địa phương) gặp hoạn nạn như tai nạn, thiên tai, lũ lụt, hỏa hoạn, động đất, chiến tranh...

Bản chất của hành động từ thiện, nhân đạo là sự chia sẻ giúp đỡ từ những người có điều kiện tốt hơn cho những người có điều kiện khó khăn hơn. Phương pháp cơ bản của hành động này là huy động, tập trung nguồn lực hoặc tự giác thực hiện để cứu giúp đối tượng sau đó phân phối, ban phát cho đối tượng cần trợ giúp.

Hành động nhân đạo từ thiện là rất cao đẹp, có ý nghĩa nhân văn to lớn. Nhưng nó thường có tác động xử lý tình huống cấp bách, trước mắt, tạm thời và không bền vững. Nếu Công tác xã hội chỉ dừng lại ở mức độ từ thiện, nhân đạo thì chưa khai thác và phát huy tốt nhất, hiệu quả, bền vững tiềm năng của đối tượng được giúp đỡ. Quá lạm dụng hình thức và phương pháp này, có thể gây tác dụng tiêu cực, làm hạn chế hoặc "yếu" đi tiềm năng và làm tăng tính ỷ lại, dựa dẫm của đối tượng.

+ Công tác xã hội là hoạt động của các thiết chế xã hội

Thiết chế xã hội là một hình thức liên kết xã hội, trong đó bao gồm các chuẩn mực, khuôn mẫu, giá trị xã hội nhằm bảo đảm, thực hiện những nhu cầu chức năng có tính chất chung, chủ yếu của xã hội (nghĩa rộng) hoặc của tập hợp xã hội nhất định (nghĩa hẹp). Thiết chế xã hội bao gồm nhiều mặt, nhiều lĩnh vực của cộng đồng người trong xã hội như các thiết chế gia đình, giáo dục, kinh tế, chính trị, tôn giáo...

Sự hình thành và tồn tại của thiết chế xã hội do điều kiện khách quan quy định, biểu hiện ở tính thống nhất với cơ sở kinh tế - xã hội, có tính ổn định tương đối, có đối tượng hướng tới và có tính hệ thống nhất định. Hai chức năng cơ bản của thiết chế xã hội là kiểm soát xã hội và điều tiết xã hội,

nó điều chỉnh hành vi của cá nhân (hoặc của nhóm) phù hợp và tuân thủ với chuẩn mực, khuôn mẫu, giá trị xã hội của thiết chế xã hội nhằm tạo ra sự hài hoà của mối quan hệ giữa cá nhân và xã hội.

Mục đích của thiết chế xã hội là nhằm thoả mãn các lợi ích cơ bản của cá nhân, nhóm cộng đồng xã hội, đặc biệt là nhóm đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, đảm bảo sự phù hợp giữa nhận thức, hành vi, nhu cầu, lợi ích cá nhân với chuẩn mực và điều kiện xã hội. Thiết chế xã hội mang lại cho những con người đang phải chịu nhiều thiệt thòi, mất mát, khó khăn trong cuộc sống những niềm tin, sự hỗ trợ cả về vật chất và tinh thần để họ có một cuộc sống ổn định hơn. Công tác xã hội cũng nhằm những mục đích cao đẹp đó nhưng không dừng lại ở việc mang đến niềm tin một cách thụ động mà nó còn thúc đẩy những người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn có khát vọng và biết tự phát huy tiềm năng của mình, hành động vì niềm tin ấy để vươn lên trong cuộc sống.

+ *Công tác xã hội là phong trào xã hội*

Phong trào xã hội là những hoạt động được phát động thực hiện bởi những tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nhằm thực hiện những mục tiêu xác định trong một thời gian nhất định (Ví dụ phong trào tình nguyện, phong trào hành động bảo vệ môi trường toàn cầu, phong trào phản đối chiến tranh...). Phong trào xã hội có ý nghĩa và tác dụng to lớn trong đời sống xã hội, nhất là khi nó đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng của số đông, huy động nhiều cá nhân, tổ chức và toàn xã hội tham gia, hưởng ứng.

Tuỳ vào mức độ tuyên truyền, mục tiêu đặt ra, tính chất hoạt động, phong trào xã hội sẽ thu hút được số lượng thành viên tham gia, hưởng ứng và kết quả đạt được. Đối với việc giải quyết những vấn đề xã hội, trợ giúp những người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn ở mỗi giải quyết đều có những phong trào xã hội được triển khai ở những mức độ khác nhau. Có

những phong trào chỉ diễn ra ở một địa bàn nhỏ, có phong trào ở tầm quốc gia thậm chí tầm quốc tế.

Tuy nhiên, các phong trào xã hội thường được phát động và thực hiện trong một thời gian nhất định. Các phong trào nếu không đi vào chiều sâu, không xuất phát từ ý thức tự giác, chỉ dừng lại ở diện rộng, có thể trở thành phô trương hình thức gây sự lãng phí thời gian và hiệu quả mang lại thấp, không tương xứng với nguồn lực và công sức đã bỏ ra.

Công tác xã hội được hiểu chỉ là các phong trào xã hội sẽ không thể hiện được tính chuyên nghiệp của nó, ai cũng có thể tham gia và do đó dễ trở thành hình thức, không bền vững.

+ Công tác xã hội là dịch vụ xã hội

Dịch vụ xã hội là các hoạt động cung ứng, hỗ trợ cho cá nhân, gia đình, nhóm và cộng đồng trong xã hội những thông tin, tài liệu, điều kiện vật chất và kỹ thuật để giải quyết vấn đề khó khăn gặp phải hoặc có được giải pháp cho tình huống, nhu cầu nhất định. Chẳng hạn dịch vụ tư vấn luật pháp, dịch vụ chăm sóc sức khỏe, dịch vụ việc làm, dịch vụ tài chính ngân hàng...

Nếu coi Công tác xã hội là dịch vụ xã hội thì hạn chế phạm vi, nội dung, vai trò tác động có nhu cầu thông qua các dịch vụ xã hội mà còn trực tiếp nắm bắt nhu cầu, đánh giá và phát huy tiềm năng của đối tượng để họ vượt lên hoàn cảnh, khắc phục khó khăn, kết hợp giữa sự tự lực của bản thân với nguồn lực bên ngoài để giải quyết vấn đề gặp phải.

Như vậy, các quan niệm trên đã có những cách hiểu và sự tiếp cận đến Công tác xã hội ở những khía cạnh khác nhau nhưng nhìn chung chưa phản ánh đầy đủ bản chất, nội dung và tính chất của Công tác xã hội.

- Định nghĩa về công tác xã hội

Theo NASW - Hiệp hội quốc gia nhân viên xã hội Mỹ (1970) định nghĩa về CTXH như sau:

CTXH là những hoạt động chuyên môn nhằm mục đích giúp đỡ các cá nhân, nhóm và cộng đồng trong hoàn cảnh khó khăn để họ tự phục hồi chức

năng hoạt động trong xã hội và để tạo ra các điều kiện thuận lợi cho họ đạt được những mục đích của cá nhân.

Định nghĩa của Hiệp hội nhân viên công tác xã hội Quốc tế thông qua tháng 7 năm 2000 tại Montresal, Canada (IFSW):

Nghề Công tác xã hội là thúc đẩy sự thay đổi xã hội, giải quyết vấn đề trong mối quan hệ của con người, tăng năng lực và giải phóng cho người dân nhằm giúp cho cuộc sống của họ ngày càng thoải mái, dễ chịu. Vận dụng các lý thuyết về hành vi con người và hệ thống xã hội, Công tác xã hội tương tác vào những điểm giữa con người với môi trường của họ. Nhân quyền và Công bằng xã hội là các nguyên tắc căn bản của nghề.

Theo Joanf Robertson - Chủ nhiệm khoa Công tác xã hội - Trường Đại học Wisconsin (Hoa Kỳ): Công tác xã hội là một quá trình giải quyết các vấn đề hợp lý nhằm thay đổi theo kế hoạch, hướng tới mục tiêu đã đề ra ở cấp cá nhân, gia đình, nhóm, tổ chức, cộng đồng và chính sách xã hội.

Định nghĩa về Công tác xã hội của Philippin: Công tác xã hội là nghề chuyên môn, thông qua các dịch vụ xã hội nhằm phục hồi, tăng cường mối quan hệ qua lại giữa cá nhân và môi trường vì nền an sinh của cá nhân và toàn xã hội.

Năm 2004, Liên đoàn Công tác xã hội chuyên nghiệp quốc tế họp ở Canada đã thảo luận, bổ sung và đưa ra định nghĩa: Công tác xã hội là hoạt động chuyên nghiệp nhằm tạo ra sự thay đổi của xã hội, bằng sự tham gia vào quá trình giải quyết các vấn đề xã hội (vấn đề nảy sinh trong mối quan hệ xã hội) vào quá trình tăng cường năng lực và giải phóng tiềm năng của mỗi cá nhân, gia đình và cộng đồng. Công tác xã hội đã giúp cho con người phát triển đầy đủ và hài hoà hơn và đem lại cuộc sống tốt đẹp hơn cho mọi người dân.

Những năm gần đây, Công tác xã hội được tái khôi phục, phát triển ở Việt Nam. Tiếp thu tri thức khoa học và thực tiễn Công tác xã hội trên thế giới, kết hợp hài hoà với nền tảng văn hoá, điều kiện kinh tế - chính trị - xã hội và thế giới quan, phương pháp luận của Việt Nam, các nhà nghiên cứu, lý

luận và hoạt động thực tiễn Công tác xã hội đã xây dựng khái niệm tổng quát: Công tác xã hội là ngành, nghề chuyên nghiệp và hoạt động thực tiễn mang tính tổng hợp cao, được thực hiện theo các nguyên tắc và phương pháp chuyên môn đặc thù nhằm hỗ trợ cá nhân, nhóm và cộng đồng trong việc giải quyết các vấn đề xã hội của họ - Qua đó Công tác xã hội theo đuổi mục tiêu vì hạnh phúc cho con người và tiến bộ xã hội.

Từ những định nghĩa trên có thể hiểu rằng CTXH như một ngành khoa học, một nghề nghiệp phi lợi nhuận. Sự giúp đỡ không mang ý nghĩa ban ơn, trả ơn hoặc bất kỳ một sự báo đáp nào.

Từ việc nghiên cứu lịch sử hình thành và phát triển của Công tác xã hội trên cả phương diện lý thuyết và thực hành, khoa học và nghề nghiệp chuyên môn, tiếp thu các giá trị, phân tích các định nghĩa, các quan niệm của các học giả, các tổ chức, hiệp hội chuyên ngành ở trong và ngoài nước, có thể đưa ra một định nghĩa chung, khái quát về Công tác xã hội như sau:

Công tác xã hội là hoạt động chuyên nghiệp được thực hiện dựa trên nền tảng khoa học chuyên ngành nhằm hỗ trợ đối tượng có vấn đề xã hội (cá nhân, nhóm, cộng đồng) giải quyết vấn đề gặp phải, cải thiện hoàn cảnh, vươn lên hoà nhập xã hội theo hướng tích cực, bền vững.

Định nghĩa về Công tác xã hội hàm chứa những nội dung cơ bản sau:

+ Công tác xã hội là một khoa học ứng dụng, sử dụng khoa học về xã hội và con người để phân tích vấn đề xã hội, xây dựng, phát triển chiến lược và kế hoạch để giải quyết vấn đề và can thiệp với mức độ phù hợp. Công tác xã hội luôn xem xét mối quan hệ giữa con người và môi trường xã hội của họ, dựa trên các giá trị về quyền con người, nhân phẩm và giá trị con người nhằm kết hợp hài hoà giữa nhu cầu, lợi ích cá nhân với cộng đồng xã hội.

+ Công tác xã hội là một nghề nghiệp và hoạt động chuyên nghiệp phi lợi nhuận, giúp đỡ cá nhân, gia đình, nhóm người, cộng đồng và toàn xã hội

đạt được sự thay đổi xã hội, giải quyết các vấn đề xã hội và phát triển khả năng giải quyết vấn đề.

+ Công tác xã hội là dịch vụ xã hội, là khoa học và là nghề nghiệp chuyên môn không chỉ nhằm vào việc trợ giúp đối tượng có vấn đề xã hội mà còn góp phần thực hiện ổn định, công bằng và tiến bộ xã hội.

So sánh	Hoạt động từ thiện Nhân đạo	Hoạt động Công tác xã hội chuyên nghề nghiệp
Mục đích	- Xuất phát từ thiện tâm, thiện chí và tấm lòng nhân đạo nhằm trợ giúp, cứu trợ, giải quyết vấn đề khó khăn của đối tượng - Nhằm thoả mãn nhu cầu của đối tượng một cách trực tiếp, cấp bách	- Xuất phát từ thiện tâm, thiện chí, tinh thần nhân văn để giải quyết vấn đề gặp phải của đối tượng, tác nghiệp, trợ giúp đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. - Xem đối tượng và lợi ích và sự phát triển vươn lên của họ là mối quan tâm hàng đầu - Giải quyết vấn đề có tính lâu dài, toàn diện, triệt để
Phương pháp	- Vận động sự đóng góp của người khác rồi phân phối vận chuyển quyền góp được hay hàng hoá viện trợ đến đối tượng hưởng lợi	- Giúp đỡ đối tượng có vấn đề phát huy tiềm năng của mình để tự giải quyết vấn đề của họ và đóng góp cho xã hội. - Phương pháp khoa học dựa trên kiến thức và kỹ năng chuyên môn để đối tượng "tự giúp" và "tự cứu" mình
Mối quan hệ giữa người giúp và người được giúp	- Lỏng lẻo, nhất thời hoặc không có mối quan hệ trực tiếp. - Từ trên xuống và chủ yếu với thái độ ban ơn. Người giúp chủ động, quyết định, áp đặt, làm thay; người được giúp thụ động.	- Là mối quan hệ tương tác chặt chẽ. - Bình đẳng, tôn trọng nhau, tôn trọng quyền tự quyết của đối tượng. - Người giúp định hướng và làm cùng; người được giúp chủ động giải quyết vấn đề.
Kết quả	- Vấn đề được giải quyết nhanh chóng, tạm thời dẫn	- Vấn đề được giải quyết bền vững, đối tượng khắc phục hoàn cảnh, tự

So sánh	Hoạt động từ thiện Nhân đạo	Hoạt động Công tác xã hội chuyên nghiệp
	đến sự trông đợi, ỷ lại của đối tượng được giúp	lực vươn lên

2. Đối tượng, mục tiêu và nguyên tắc của công tác xã hội

2.1. Đối tượng nghiên cứu của Công tác xã hội

Công tác xã hội là một khoa học ứng dụng, trang bị hệ thống kiến thức chuyên ngành và kỹ năng chuyên nghiệp làm việc, tác nghiệp với đối tượng (cá nhân, gia đình, nhóm, cộng đồng) nhằm phát huy tối đa tiềm năng của đối tượng kết hợp các nguồn lực hỗ trợ bên ngoài để giải quyết vấn đề gặp phải, vượt qua khó khăn, vươn lên hoà nhập cuộc sống xã hội và phát triển bền vững.

Như vậy, công tác xã hội trước hết là một ngành khoa học. Với tư cách là một khoa học, Công tác xã hội có đối tượng nghiên cứu đặc thù. Đồng thời, Công tác xã hội là nghề nghiệp chuyên môn, là hoạt động thực tiễn nên nó có đối tượng tác động cụ thể trong đời sống xã hội.

- Đối tượng nghiên cứu của Công tác xã hội

Công tác xã hội có đối tượng nghiên cứu tác động là con người nói chung và các vấn đề xã hội. Có những ngành khoa học, lĩnh vực khác nhau lấy con người và các vấn đề xã hội làm đối tượng nghiên cứu và tác động. Tuy nhiên, tùy vào mục đích đặt ra, tùy vào sự vận động, phát triển của khoa học và điều kiện lịch sử cụ thể, mỗi khoa học và lĩnh vực có sự quan tâm và cách nhìn nhận, xem xét, nghiên cứu về con người, xã hội, vấn đề xã hội dưới góc độ khác nhau. Công tác xã hội xã hội đặc biệt quan tâm đến các cá nhân, nhóm và cộng đồng với vấn đề của họ hay là những đối tượng có vấn đề xã hội. Nói cách khác, đối tượng của Công tác xã hội là những cá nhân, gia đình, nhóm và cộng đồng được coi là yếu thế, không đủ khả năng để tự vượt qua khó khăn hoặc không thực hiện được một hay một số chức năng xã hội nào đó của mình.

+ Về cá nhân, Công tác xã hội nghiên cứu nội tâm những đặc điểm tâm lý, sinh lý, nhân cách cá nhân, quan hệ giữa người với người và với điều kiện kinh tế - xã hội, môi trường sống của cá nhân đó. Đối với những cá nhân có vấn đề xã hội, khi nghiên cứu về các mặt, các mối quan hệ của cá nhân, bằng hệ thống lý luận khoa học và lý thuyết chuyên ngành, Công tác xã hội sẽ phân tích, chỉ ra vấn đề của cá nhân là gì, vấn đề đó bắt nguồn, nảy sinh từ đâu, mức độ hiện nay như thế nào và hướng giải quyết khắc phục ra sao. Tức là Công tác xã hội nghiên cứu, tìm ra mối quan hệ nội tại bên trong và bên ngoài của cá nhân có vấn đề xã hội cũng như những phương pháp, biện pháp hỗ trợ. Trên cơ sở đó, người làm Công tác xã hội sẽ vận dụng vào quá trình tác động nhằm phục hồi, củng cố và phát triển bình thường các chức năng xã hội của cá nhân, giúp cá nhân tự giải quyết được vấn đề của mình.

Như vậy, Công tác xã hội có đối tượng nghiên cứu là cá nhân có vấn đề xã hội từ đó xây dựng lên hệ thống lý thuyết khoa học và kỹ năng tác nghiệp chuyên nghiệp về Công tác xã hội cá nhân.

+ Về nhóm: Công tác xã hội nghiên cứu các đặc điểm của nhóm, vai trò của nhóm đối với mỗi thành viên thuộc nhóm và với cộng đồng, xã hội, đồng thời nghiên cứu về nhu cầu, sự tương tác nhóm, các dạng nhóm, các giai đoạn phát triển của nhóm... Thông qua việc nghiên cứu các nhóm xã hội như vậy, dựa trên nền tảng lý thuyết khoa học, hệ thống phương pháp và kỹ năng tác nghiệp với nhóm, người làm Công tác xã hội sẽ phân tích, tìm hiểu vấn đề của nhóm, tổ chức hoạt động giúp nhóm tác động thái độ, hành vi, tăng cường khả năng giải quyết vấn đề, thỏa mãn các nhu cầu của các thành viên trong nhóm. Những nghiên cứu về nhóm xã hội và phương pháp, kỹ năng tổ chức hoạt động nhóm có vai trò quan trọng trong việc giúp nhóm giải quyết vấn đề gặp phải của mình.

Sự tồn tại của các nhóm có vấn đề xã hội trong xã hội là tất yếu và do đó nó trở thành đối tượng nghiên cứu của Công tác xã hội. Nghiên cứu về

nhóm, chỉ ra quy luật về sự hình thành, nhu cầu, các giai đoạn phát triển, tiềm năng của nhóm. Công tác xã hội xây dựng lên hệ thống lý thuyết và phương pháp tác nghiệp Công tác xã hội nhóm.

+ Về cộng đồng: Công tác xã hội nghiên cứu các yếu tố liên quan đến cộng đồng, như: Các quan niệm về cộng đồng; thế nào cộng đồng phát triển, cộng đồng kém phát triển; phát hiện, phát huy, tổ chức tiềm năng của cộng đồng; giáo dục cộng đồng; giải quyết mâu thuẫn trong cộng đồng; xây dựng, tổ chức và quản lý dự án phát triển cộng đồng... Những yếu tố đó là cơ sở hình thành nên lý thuyết tổ chức và phát triển cộng đồng.

Nghiên cứu các đặc điểm, nhu cầu của cộng đồng, người làm Công tác xã hội chỉ ra thực trạng, đánh giá tiềm năng, huy động các nguồn lực hỗ trợ, từ đó tổ chức, giáo dục, phát huy tiềm năng, nâng cao năng lực, giải quyết vấn đề của cộng đồng nhằm cải thiện hoàn cảnh, xây dựng và phát triển cộng đồng theo hướng tích cực, bền vững.

- Đối tượng cần sự trợ giúp và tác động của Công tác xã hội

Cá nhân, nhóm và cộng đồng với tư cách là đối tượng nghiên cứu của khoa học Công tác xã hội cũng đồng thời là đối tượng trợ giúp - tác nghiệp của Công tác xã hội. Những đối tượng trong xã hội cần sự trợ giúp của Công tác xã hội rất đa dạng, có những hoàn cảnh, điều kiện, trình độ văn hoá, nhận thức, sinh sống ở vùng miền và địa bàn khác nhau.

Trong xã hội, do nhiều nguyên nhân khác nhau, chủ quan và khách quan, luôn tồn tại một bộ phận những cá nhân, gia đình, nhóm, cộng đồng cần sự giúp đỡ. Phục vụ con người, chăm lo và cải thiện cuộc sống, giúp đỡ đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn là trách nhiệm chung của toàn xã hội, trước hết của hệ thống chính quyền, tổ chức chính trị xã hội và các ngành chức năng. Mỗi ngành chức năng có trách nhiệm chủ đạo phụ trách một hay một số lĩnh vực nhất định nào đó.

Công tác xã hội, một mặt kết nối hoạt động, trách nhiệm, cn 4 của các ngành khác nhau tổ chức hoạt động, chương trình hành động vì sự an sinh, an toàn, cải thiện cuộc sống, phục hồi, phát triển chức năng xã hội của đối tượng được trợ giúp, mặt khác, với chức năng đặc thù và phương pháp tác nghiệp chuyên nghiệp của mình, Công tác xã hội trợ giúp cho các đối tượng có vấn đề xã hội từ chỗ yếu thế, thiệt thòi, gặp vấn đề xã hội nào đó có khả năng tự chủ giải quyết vấn đề gặp phải, vươn lên hoà nhập xã hội. Như vậy, mọi cá nhân, gia đình, nhóm và cộng đồng trong xã hội có vấn đề xã hội cần đến sự trợ giúp của Công tác xã hội để giải quyết vấn đề, vượt qua khó khăn vươn lên trong xã hội đều là đối tượng của Công tác xã hội.

Theo điều kiện lịch sử cụ thể, đối tượng và lĩnh vực tác nghiệp của Công tác xã hội có những sự biến đổi và thay đổi thành phần, mức độ và tính chất. Theo những cách tiếp cận khác nhau, có những cách phân loại khác nhau về đối tượng (nhóm đối tượng) tác động, trợ giúp của Công tác xã hội.

+ Theo nhóm đối tượng có hành vi lệch chuẩn: Công tác xã hội với người nghiện ma túy; Công tác xã hội với người hành nghề mại dâm; Công tác xã hội với người phạm pháp; Công tác xã hội với người có vấn đề tâm lý, sinh lý - tình dục; Công tác xã hội với những đối tượng tham gia các tệ nạn xã hội khác.

+ Công tác xã hội với nhóm lứa tuổi đặc thù: Công tác xã hội với trẻ em; Công tác xã hội với thanh niên; Công tác xã hội với người cao tuổi.

+ Theo cách tiếp cận đối tượng là các tổ chức xã hội: Công tác xã hội trong tổ chức chính trị - xã hội; Công tác xã hội trong các tổ chức đoàn thể quần chúng và hiệp hội xã hội; Công tác xã hội trong các cơ sở bảo trợ và trung tâm lãnh đạo xã hội.

+ Theo cách tiếp cận các mối quan hệ con người - xã hội: Công tác xã hội trợ giúp, giải quyết các vấn đề nảy sinh trong mối quan hệ gia đình, trường học, cơ quan, công sở, đơn vị hành chính và trong địa bàn dân cư.

+ Theo cách tiếp cận lĩnh vực hoạt động xã hội: Công tác xã hội trong lĩnh vực hoạt động kinh tế, sản xuất kinh doanh; Công tác xã hội trong lĩnh vực văn hoá - xã hội; Công tác xã hội trong lĩnh vực chính trị - xã hội; Công tác xã hội trong lĩnh vực pháp luật, y tế và giáo dục; Công tác xã hội trong lĩnh vực dân số, môi trường và truyền thông; Công tác xã hội với vấn đề dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng.

+ Theo nhóm đối tượng thiệt thòi, yếu thế: Công tác xã hội với cá nhân, gia đình, nhóm xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế, cộng đồng nghèo, kém phát triển; Công tác xã hội với người khuyết tật; Công tác xã hội với người già, neo đơn không nơi nương tựa; Công tác xã hội với trẻ em bị lạm dụng, bị xâm hại và xao nhãng; Công tác xã hội với trẻ em mồ côi, trẻ em lang thang và trẻ lao động sớm; Công tác xã hội với nạn nhân thiên tai, bệnh tật hiểm nghèo chiến tranh, tai nạn thương tích...

+ Công tác xã hội với đối tượng đặc biệt: người có HIV, gia đình và những người liên quan đến người có HIV/ AIDS, người mắc bệnh tâm thần, người phạm trọng tội đã thành án chung thân hoặc tử hình.

Như vậy, phạm vi hoạt động và đối tượng trợ giúp, tác nghiệp của Công tác xã hội rất đa dạng, rộng lớn, liên quan đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Trong đó, có những lĩnh vực do ngành Công tác xã hội trực tiếp đảm trách, có những lĩnh vực cùng tham gia thực hiện, giải quyết vấn đề. Công tác xã hội chuyên nghiệp vừa tác nghiệp độc lập vừa có sự kết hợp với các hoạt động xã hội, chính sách xã hội, các ngành, các cơ quan, tổ chức xã hội khác để hỗ trợ giải quyết vấn đề của đối tượng nhằm đạt được mục tiêu đặt ra, mang lại hiệu quả bền vững.

2.2. Mục tiêu của Công tác xã hội

Mục tiêu cơ bản của CTXH không chỉ nhằm vào việc cứu giúp những người cần được giúp đỡ mà là vì lợi ích, vì sự ổn định và tiến bộ của toàn xã hội.

+ Giúp mọi người hiểu được vấn đề chính của mình

Xác định các nguy cơ gây ra các vấn đề

Giảm nhẹ hoặc xóa bỏ những vấn đề gặp phải

+ Tìm ra những điểm mạnh và phát huy tiềm năng của các cá nhân, các nhóm và cộng đồng trong giải quyết vấn đề.

2.3. Các nguyên tắc hành động của Công tác xã hội

Khi làm việc với thân chủ, nhân viên xã hội phải thực hành theo các nguyên tắc sau đây:

2.3.1. Chấp nhận thân chủ

Chấp nhận thân chủ tức là không mặc cảm định kiến đối với thân chủ trong bất kể tình huống nào. Tôn trọng, thấu hiểu các nhận thức, hành vi của thân chủ. Không phê phán, áp đặt các thiên kiến chủ quan, tạo dựng niềm tin và ý thức tự chủ với mọi trường hợp của đối tượng.

Chấp nhận đối tượng là một thái độ rất khó thực hiện nhưng người làm CTXH phải tự rèn luyện hằng ngày. Có thể chúng ta không đồng tình với sai phạm của thân chủ, nhưng trước mặt chúng ta là một con người, và bất cứ con người nào, một cô gái lỡ lầm, một trẻ em phạm pháp, một thanh niên nghiện ma túy cũng có nhân phẩm, có giá trị, đơn giản chỉ vì họ là con người. Với một thái độ chấp nhận thật sâu sắc bên trong, ta mới bộc lộ được sự tôn trọng thật sự bên ngoài và hết sức thận trọng không phê phán hay kết án mà tìm hiểu hoàn cảnh đã đưa đối tượng tới hiện trạng. Cảm nhận được sự tôn trọng vô điều kiện của ta, thân chủ mới lấy lại sự tự trọng và tự tin để bộc lộ, giải bày tâm sự.

2.3.2. Thân chủ cùng tham gia giải quyết vấn đề

Nhân viên xã hội chú ý tới năng lực tiềm ẩn trong mỗi thân chủ để họ có thể phát huy, tự giải quyết các vấn đề cá nhân, nhân viên xã hội không “làm hộ, làm thay, làm cho” thân chủ. Thân chủ phải tham gia giải quyết vấn đề vì chỉ họ mới có thể thay đổi bản thân và cuộc sống của họ. Một thực tế cho thấy

rằng, nếu không có sự tham gia trực tiếp của thân chủ, nhiều vấn đề xã hội của thân chủ cũng trở nên bế tắc và không được tháo gỡ.

2.3.3. Tôn trọng quyền tự quyết của thân chủ

Nhân viên xã hội chỉ là những nhân tố tác động, còn chính các thân chủ mới là nhân tố quyết định đến sự thay đổi hiện trạng của họ theo cách “tự cứu mình”. Bởi lẽ, đối với mỗi người chúng ta nếu có một quyết định quan hệ tới chính ta mà ta lại không tham gia ý kiến thì ta không thi hành, thậm chí còn tỏ ra khó chịu và chống lại để tự khẳng định mình. Vì CTXH không chỉ là xoa dịu mà giúp thân chủ thay đổi hành vi nếu là cá nhân, tạo sự chuyển biến xã hội nếu là cộng đồng, nên mọi quyết định phải có sự tham gia tích cực và sự tự quyết của thân chủ.

2.3.4. Cá biệt hóa

Mỗi con người là một cá thể, có thuộc tính thể chất và tinh thần khác nhau, bởi vậy các mục đích giá trị, nguyện vọng và hành vi của mỗi thân chủ cũng mang tính cá biệt. Nhân viên CTXH không thể hành động với các vấn đề của từng thân chủ theo cùng một cách thức. Nguyên tắc này đòi hỏi các nhân viên CTXH phải thấu hiểu các thân chủ, phải thành thạo như một bác sĩ bắt mạch, kê đơn đúng bệnh và tìm được các giải pháp chữa trị hiệu quả cho từng loại bệnh, từng đối tượng. Ví dụ: phụ nữ không chấp nhận kế hoạch hóa gia đình vì nhiều lí do khác nhau, người do thiếu hiểu biết, người do muốn có con trai nối dõi, người do chồng không chấp thuận, người do muốn sinh nhiều con để có thêm lao động. Vì vậy đối với từng lí do khác nhau của từng người mà nhân viên CTXH mới có được cách thức riêng để giúp đỡ từng thân chủ.

2.3.5. Giữ bí mật những vấn đề của thân chủ

Các thân chủ luôn mong được giữ kín các thông tin sau khi họ đã cung cấp cho nhân viên CTXH. Bản thân họ vốn mặc cảm bởi thân phận, bởi hoàn cảnh, và không phải với bất cứ ai họ cũng có thể dễ dàng giải bày, tâm sự. Việc giữ gìn những điều bí mật không chỉ là sự đòi hỏi chính đáng từ phía

thân chủ, mà còn là yêu cầu về mặt nguyên tắc đối với bất cứ một nhân viên xã hội nào. Có như vậy niềm tin giữa thân chủ và nhân viên xã hội mới được củng cố, mối quan hệ giữa họ mới trở nên gần gũi và hiểu biết nhau hơn.

2.3.6. Nhân viên xã hội luôn ý thức về mình

Nhân viên CTXH phải luôn giữ gìn nhân cách và phẩm chất đạo đức của một nhân viên CTXH. Bởi mỗi việc họ làm, mỗi lời họ nói trực tiếp tác động đến nhận thức và hành vi của thân chủ. Tự ý thức được chính mình là đạo đức của nghề, là nguyên tắc của nghề. Như một tất yếu muốn giúp đỡ và cảm hóa được người khác, trước hết phải hoàn thiện chính mình.

2.3.7. Xây dựng mối quan hệ tốt đẹp giữa nhân viên xã hội và thân chủ

Đó là quan hệ bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, đồng cảm, chia sẻ. Sự mặc cảm và định kiến với thân phận người được giúp đỡ sẽ làm cho mối quan hệ trở nên xấu đi, tạo nên khoảng cách giữa người giúp và người được giúp. Nhân viên CTXH phải biết coi trọng lợi ích của thân chủ, không coi việc giúp đỡ của mình như là một sự ban ơn, một quan hệ xin cho hoặc tạo sự ỷ lại, trông chờ từ phía các thân chủ.

3. Phương pháp tác nghiệp của Công tác xã hội

Công tác xã hội trải qua quá trình vận động, phát triển trên phương diện lý thuyết khoa học và thông qua sự hoạt động thực tiễn đã hình thành cho mình một hệ thống các phương pháp tác nghiệp nhằm mang lại hiệu quả bền vững, sự thay đổi tích cực cho đối tượng được can thiệp, hỗ trợ giúp đỡ. Đó là các phương pháp và hoạt động: Biện hộ, nghiên cứu trường hợp, tham vấn, kết hợp thực hiện chương trình, phong trào nhân đạo, từ thiện, tham mưu cho Chính phủ và cơ quan chức năng soạn thảo chính sách xã hội, thiết lập chuẩn mực giá trị hướng tới sự tiến bộ, công bằng xã hội... Trong đó, các phương pháp mang tính chuyên nghiệp và được coi là các phương pháp đặc trưng của Công tác xã hội là: Phương pháp Công tác xã hội với cá nhân; Công